



NHÔM HỆ SƠN BẢO HÀNH

ZAVA

20 YEAR
SURFACE FINISH WARRANTY

Giới thiệu về công ty	3
Giới thiệu về nhôm ZAVA	4
List mặt cắt hệ ZAVA 55	5
Sơ đồ lắp ghép cửa đi hệ ZAVA 55	6
List mặt cắt hệ đa khoang	7
Sơ đồ lắp ghép hệ đa khoang	8
List mặt cắt hệ chấn song	9
Sơ đồ lắp ghép cửa sổ hệ chấn song	10
List mặt cắt hệ XINGFA khung phào	11-12
Sơ đồ lắp ghép hệ XINGFA khung phào	13
List mặt cắt hệ cửa lùa 100	14
Sơ đồ lắp ghép hệ cửa lùa hệ ZAVA	15



TANMY
GROUP



CÔNG TY TNHH TÂN MỸ

Thành lập năm 1999, Tân Mỹ là một trong các doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam về lĩnh vực nhôm thanh kỹ thuật cao và sản phẩm gia dụng, cung cấp những giải pháp bền vững cho mọi công trình.



27+ năm

Kinh nghiệm
phát triển



02 nhà máy

Khu CN Thạch Thất
- Quốc Oai



500+ nhân sự

Đội ngũ kỹ thuật và
sản xuất



34 tỉnh thành

Mạng lưới
phân phối

Hệ thống dây chuyền đùn ép nhôm công suất lớn kết hợp công nghệ xử lý bề mặt hiện đại cùng chất lượng ISO 9001:2015 giúp TÂN MỸ tạo ra dòng sản phẩm nhôm định hình chất lượng, ứng dụng rộng rãi trong cơ khí, xây dựng, dân dụng và công nghiệp.

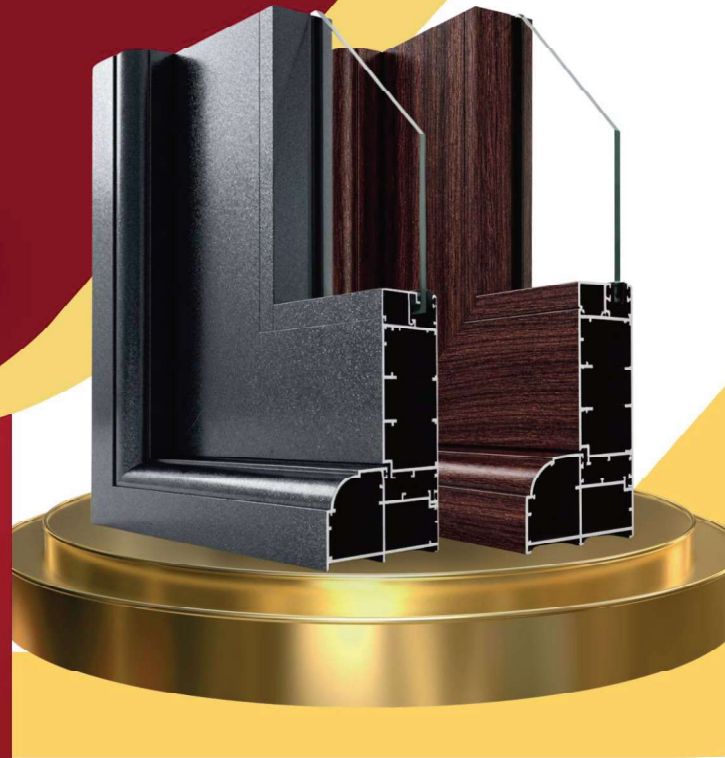
“ TÂN MỸ - Trường tồn cùng thời gian ”



NHÔM HỆ SƠN BẢO HÀNH **ZAVA**

Nhôm hệ **ZAVA** là dòng sản phẩm nhôm chất lượng cao được phát triển với định hướng mang đến những giải pháp bền vững cho công trình. Sản phẩm được chú trọng về **độ bền lớp hoàn thiện**, khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu Việt Nam và thuận tiện trong quá trình thi công và lắp đặt.

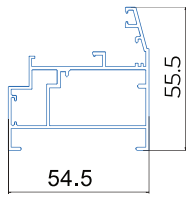
Với định hướng đặt chất lượng và sự minh bạch lên hàng đầu, nhôm hệ ZAVA cam kết mang đến các sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao cùng chính sách bảo hành rõ ràng. Trong đó, màng sơn tĩnh điện được bảo hành lên đến **20 năm** và màng film vân gỗ được bảo hành lên đến **15 năm**, góp phần đảm bảo quyền lợi và sự an tâm cho khách hàng trong suốt quá trình sử dụng.



CHỨNG CHỈ

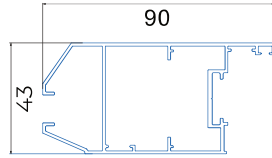


Khung bao dùng chung



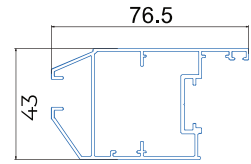
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 101	4/bó	1.15mm	5.34kg/6m

Cánh cửa đi phẳng



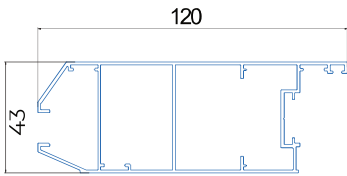
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 201	4/bó	1.15mm	6.3kg/6m

Cánh cửa sổ phẳng



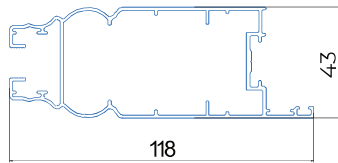
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 301	4/bó	1.15mm	5.89kg/6m

Cánh cửa đi bản 120 phẳng



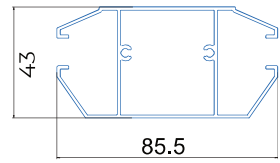
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 501	2/bó	1.15mm	8.05kg/6m

Cánh cửa đi phào cải tiến



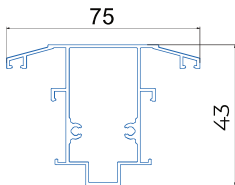
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 502	2/bó	1.15mm	8.19kg/6m

Ốc chia cánh



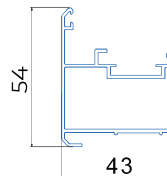
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 302	4/bó	1.15mm	6.43kg/6m

Ốc chia khung



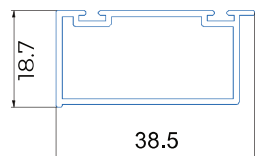
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 402	4/bó	1.15mm	5.86kg/6m

Ốc động



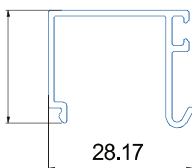
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 403	6/bó	1.15mm	4.11kg/6m

Ốp chân



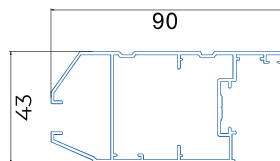
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 503	10/bó	1.15mm	2.30kg/6m

Sập khung bao



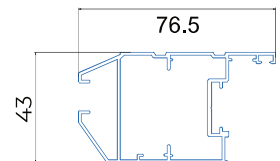
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 505	10/bó	1.15mm	1.69kg/6m

Cánh cửa đi có gân

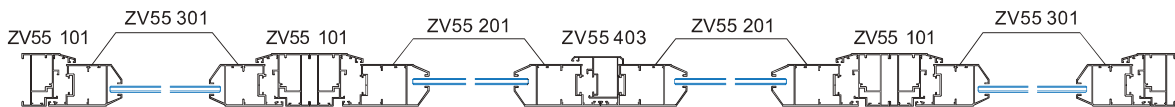
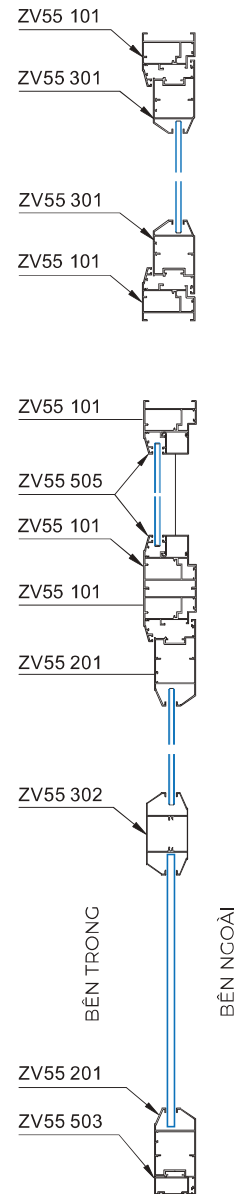


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 201A	4/bó	1.15mm	6.31kg/6m

Cánh cửa sổ có gân



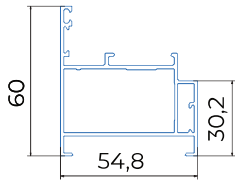
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 301A	4/bó	1.15mm	5.84kg/6m



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

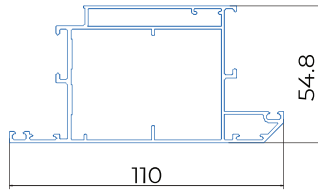
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZV55 101	1.15	5.34	1	ZV55 403	1.15	4.11
2	ZV55 201	1.15	6.30	2	ZV55 503	1.15	2.3
3	ZV55 301	1.15	5.09	3	ZV55 505	1.15	1.69

Khung bao cửa đi - cửa sổ



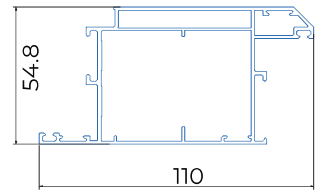
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 01	4/bó	1.2mm	5.72kg/6m

Cánh cửa đi bản 110 mở ngoài



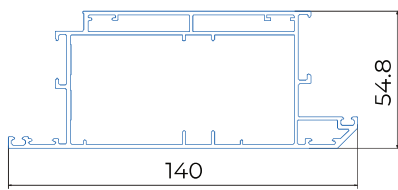
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 02	2/bó	1.2mm	9.02kg/6m

Cánh cửa đi bản 110 mở trong



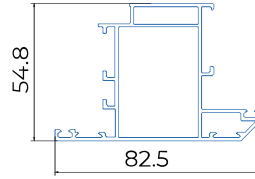
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 03	2/bó	1.2mm	9.02kg/6m

Cánh cửa đi bản 140



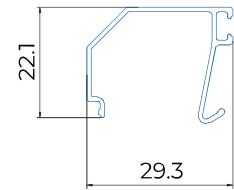
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 05	1/bó	1.6mm	13.23kg/6m

Cánh cửa sổ



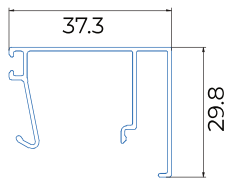
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 04	3/bó	1.2mm	7.17kg/6m

Sập vát kính dưới 13mm



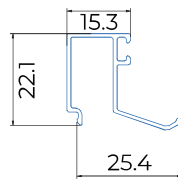
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 06	12/bó	0.9mm	1.34kg/6m

Sập khung kính dưới 13mm



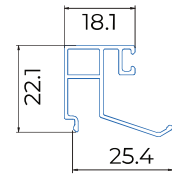
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 07	10/bó	0.9mm	2.05kg/6m

Sập cánh kính rèm



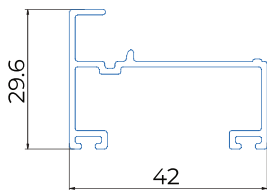
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 08	12/bó	0.9mm	1.34kg/6m

Sập cánh kính từ 13-22mm



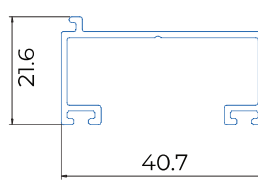
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZVDK 09	12/bó	0.9mm	1.61kg/6m

Che dưới cánh cửa đi



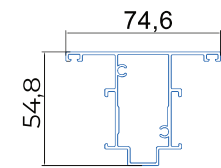
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3329A	6/bó	1.2mm	2.7kg/6m

Che dưới cánh cửa đi



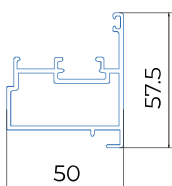
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3329	6/bó	1.2mm	2.18kg/6m

Đốt T khung bao



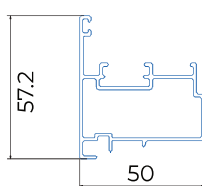
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3313A	4/bó	1.2mm	6.0kg/6m
TM XFC 3313A-MC	4/bó	1.1mm	5.3kg/6m

Đốt chuyển hướng cửa đi 4 cánh



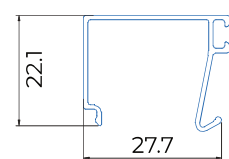
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3323A	4/bó	1.8mm	6.66kg/6m

Đốt chuyển hướng cửa đi 4 cánh Xingfa 55

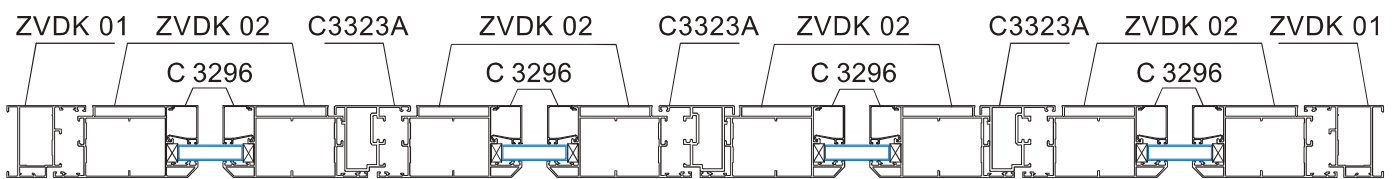
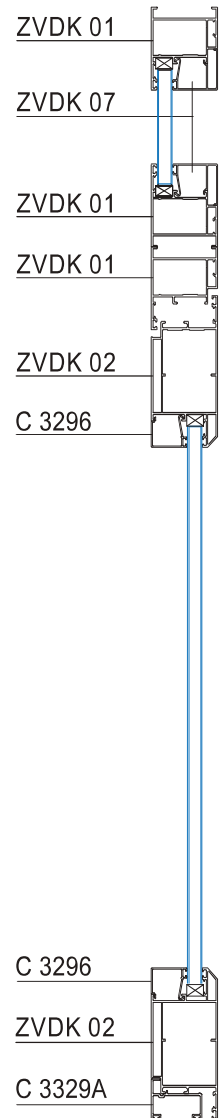
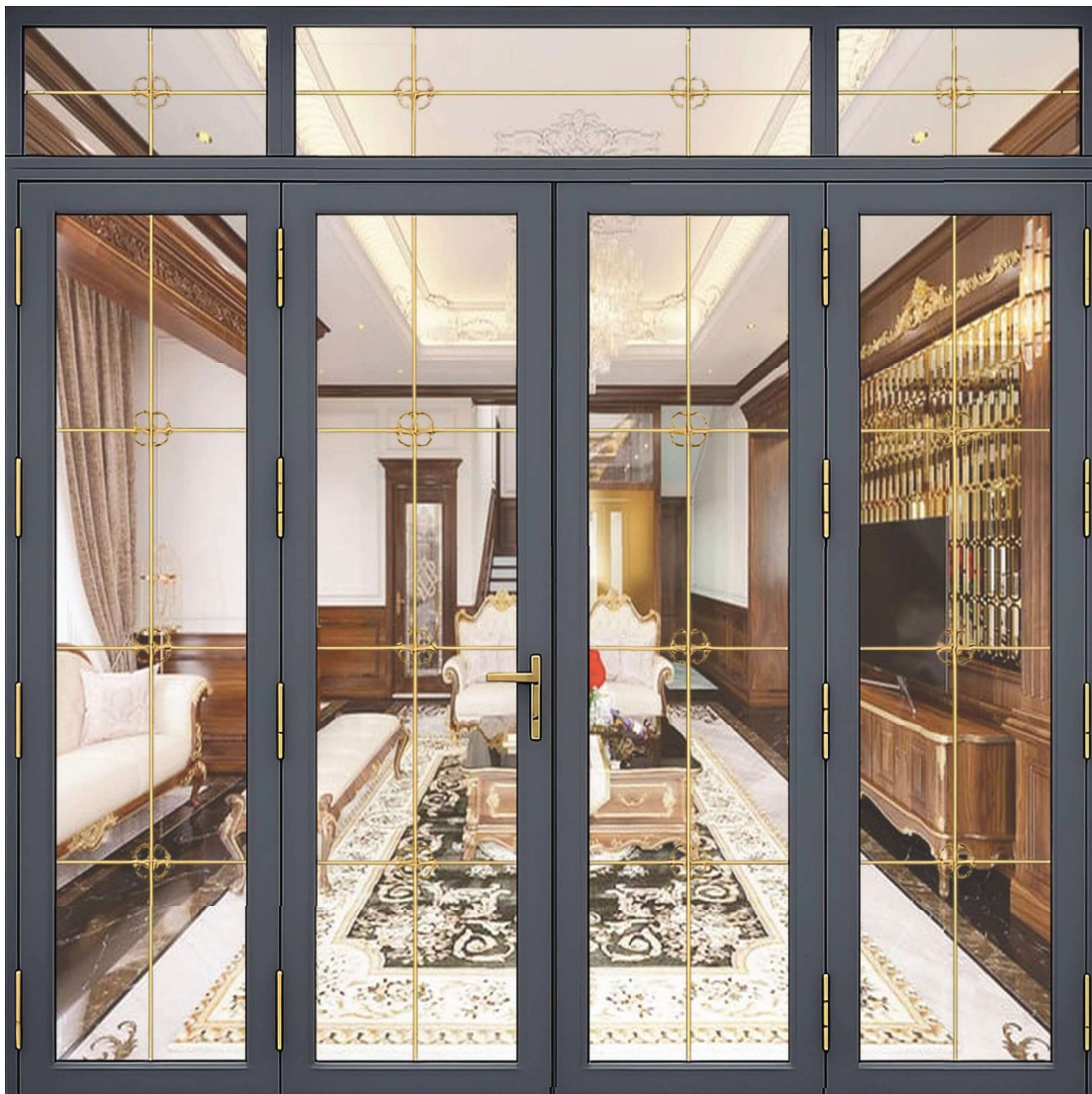


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3323AMC	4/bó	1.2mm	5.60kg/6m

Sập vuông cánh kính dưới 13mm



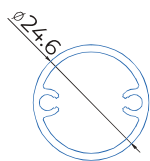
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC 3296	12/bó	0.9mm	1.41kg/6m
TM XFC 3296-MC	12/bó	0.8mm	1.29kg/6m



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

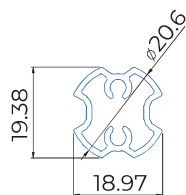
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZVDK 01	1.2	5.72	1	XFC 3296	0.8-0.9	1.29-1.41
2	ZVDK 02	1.2	9.02	2	XFC 3223A	1.8	6.66
3	ZVDK 07	0.9	2.05	3	XFC 3329A	1.2	2.7

Song tròn $\Phi 25$



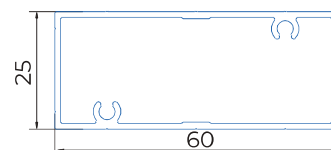
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS01	10/bó	1.50mm	2,17kg/6m

Bộ chỉ song tròn $\Phi 25$



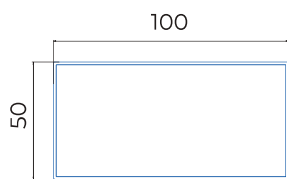
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS02	10/bó	1.20mm	1,79kg/6m

Cây chia song



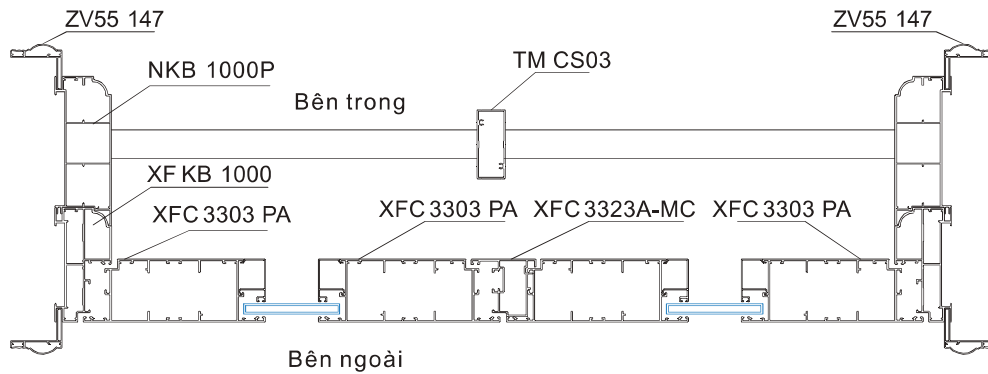
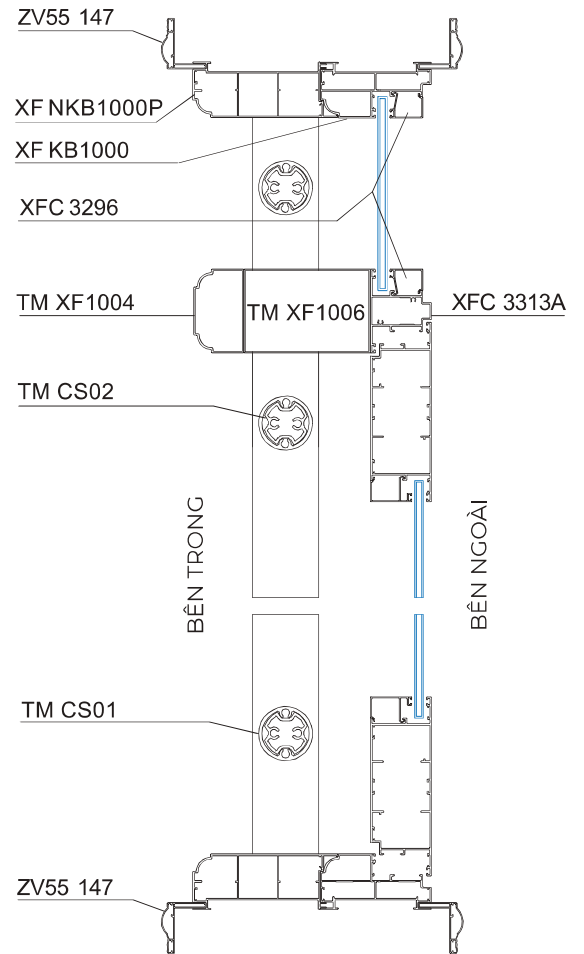
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS03	6/bó	1.20mm	3,88kg/6m

Hộp 50x100



Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS04	2/bó	1.20mm	6,06kg/6m

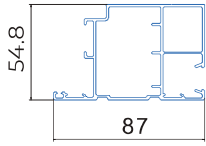




MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

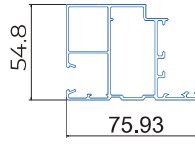
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZV55 147	1.15	5.34	1	NKB 1000P	1.4	11.67
2	TM CS03	1.15	6.3	2	XF NKB 1000	1.4	9.53
3	XFC 3303 PA	1.4	11.63	3	XFC 3296	0.8-0.9	1.29-1.41
4	XFC 3323A-MC	1.2	5.6				

Cánh cửa đi Xingfa liền sập mở ngoài



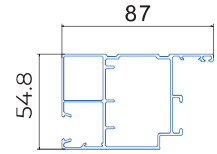
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3303-SL	2/bó	1.3mm	8.23kg/6m

Cánh cửa sổ Xingfa liền sập



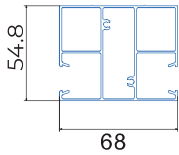
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3202-SL	2/bó	1.3mm	7.23kg/6m

Cánh cửa đi Xingfa liền sập mở trong



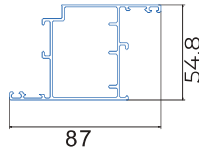
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3332-SL	2/bó	1.3mm	8.15kg/6m

Ố T chia cánh Xingfa liền sập



Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3203-SL	2/bó	1.3mm	7.89kg/6m

Thanh cánh cửa đi mở trong Xingfa 55 không gân



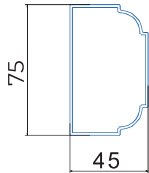
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3332-PH	2/bó	1.4mm	6.79kg/6m

Thanh cánh cửa đi mở ngoài Xingfa 55 không gân



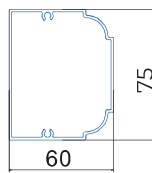
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303-PH	2/bó	1.4mm	6.84kg/6m

Nối đồ 1004



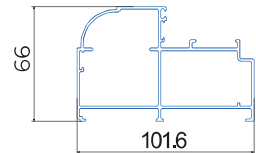
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF 1004	2/bó	1.4mm	5.45kg/6m

Nối đồ 1154



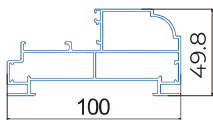
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF 1154	2/bó	1.4mm	6.54kg/6m

Khung bao Xingfa liền phào 1001



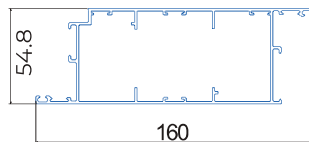
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFKB 1001P-1.6	1/bó	1.6mm	11.05kg/6m
TMXFKB 1001P-2.2	1/bó	2.2mm	13.63kg/6m

Khung bao Xingfa liền phào 100



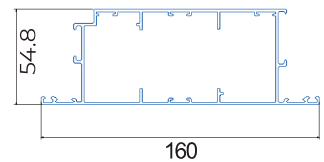
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFKB1000-1.6	1/bó	1.6mm	10.74kg/6m
TMXFKB1000-2.2	1/bó	2.2mm	13.13kg/6m

Cánh Xingfa bản 160 mở trong



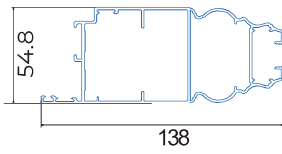
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3332PA-1.6	1/bó	1.6mm	13.02kg/6m
TMXFC3332PA-2.2	1/bó	2.2mm	14.66kg/6m

Cánh Xingfa bản 160 mở ngoài



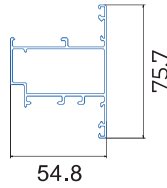
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TMXFC3303PA-1.6	1/bó	1.6mm	12.96kg/6m
TMXFC3303PA-2.2	1/bó	2.2mm	14.66kg/6m

Cánh Xingfa phào bản 140



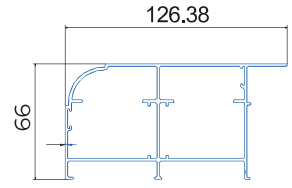
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303P-1.6	1/bó	1.6mm	12.96kg/6m
TM XFC3303P-2.2	1/bó	2.2mm	16.10kg/6m

Thanh cánh cửa sổ Xingfa 55 không gân



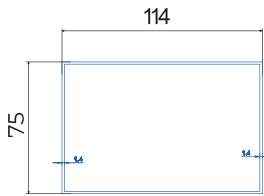
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3202-PH	2/bó	1.2mm	5.70kg/6m

Nối khung bao Xingfa liền phào 1001



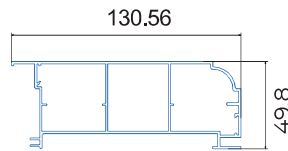
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF NKB 1001	1/bó	1.4mm	9.78kg/6m

Nối đỡ bản to



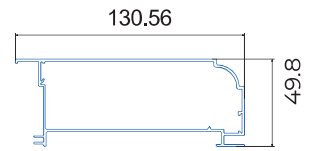
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF 1006	1/bó	1.4mm	8.77kg/6m

Nối khung bao Xingfa liền phào



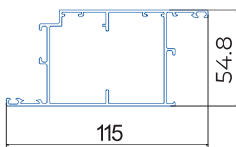
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF NKB 1000P	1/bó	1.4mm	11.67kg/6m

Nối khung bao Xingfa liền phào



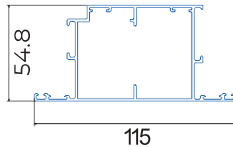
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF NKB 1000S	1/bó	1.4mm	8.69kg/6m

Cánh Xingfa bản 120 mở trong



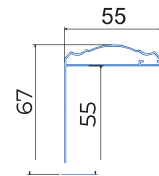
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303PS	1/bó	1.4mm	8.76kg/6m

Cánh Xingfa bản 120 mở ngoài



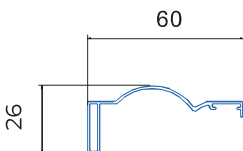
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XFC3303P S	1/bó	1.4mm	8.82kg/6m

Phào rút



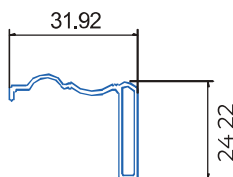
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV 55 148	6/bó	0.9mm	2.85kg/6m

Phào bản to



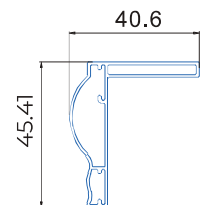
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF P TL11	6/bó	0.9mm	2.07kg/6m

Phào bản

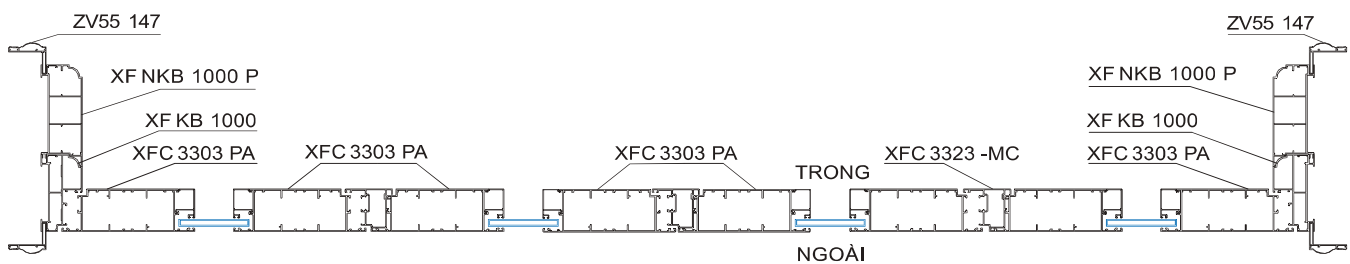
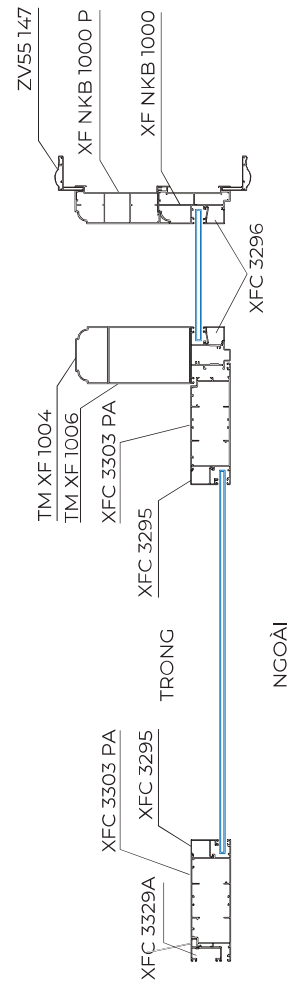
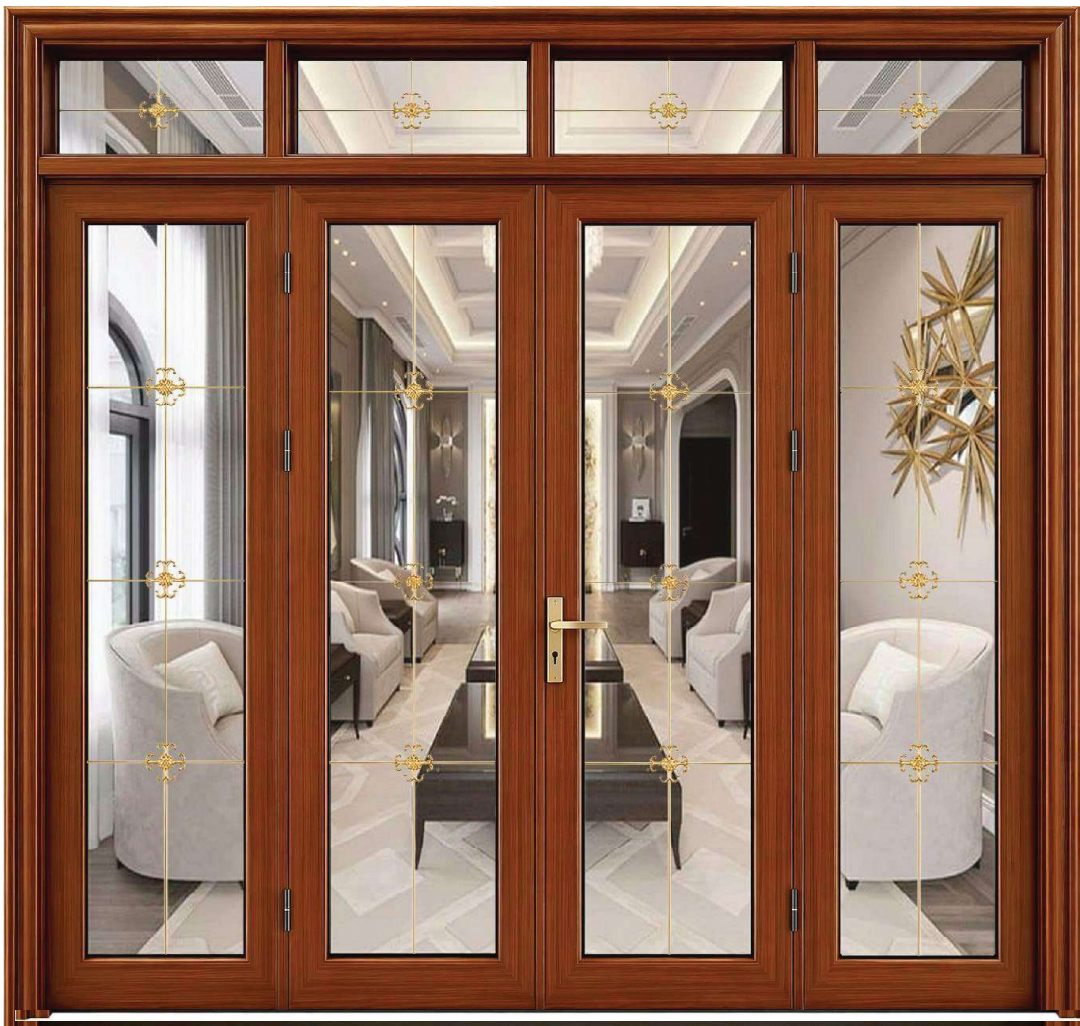


Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM XF P 1003	8/bó	0.9mm	1.44kg/6m

Phào



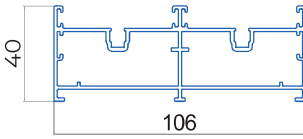
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV55 147	6/bó	0.9mm	2.65kg/6m



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

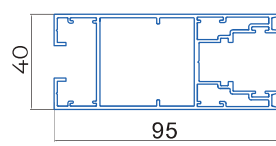
Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	TM XF 1004	1.15	5.34	1	XFC 3303PA	1.4	11.63
2	TM XF 1006	1.15	6.3	2	XFC 3323-MC	1.2	5.6
3	ZV55 147	1.15	5.34	3	XF KB 1000	1.4	9.53
4	XFC 3295	0.8-0.9	1.52-1.63	4	XF NKB 1000P	1.4	11.67

Khung bao cửa lùa 100



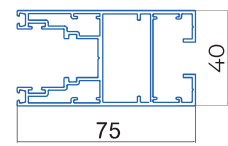
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD01	2/bó	1.40mm	9.18kg/6m

Cánh cửa đi lùa 100



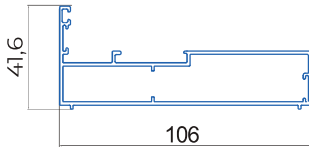
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD02	2/bó	1.40mm	9.65kg/6m

Cánh cửa sổ lùa 100



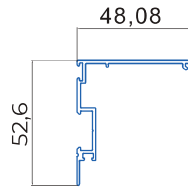
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD03	4/bó	1.40mm	7.97kg/6m

Khung bao ô chết cửa lùa 100



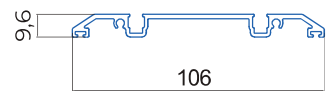
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD04	2/bó	1.40mm	6.858kg/6m

Móc cánh cửa đi 100



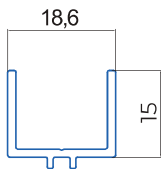
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD05	6/bó	1.40mm	2.69kg/6m

Ray thấp cửa đi lùa 100



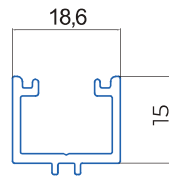
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD06	6/bó	2.0mm	4.79kg/6m

Dẫn hướng trên cửa lùa 100



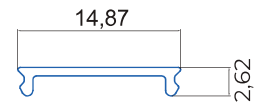
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD07	20/bó	1.40mm	1.1kg/6m

Hèm khoá 2 cánh cửa lùa 100



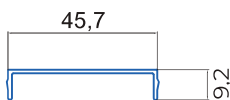
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD08	20/bó	1.40mm	1.34kg/6m

Ốp móc cửa lùa 100



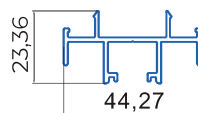
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
ZV SD09	40/bó	0.8 m	0.24kg/6m

Ốp khung bao đứng cửa lùa 100



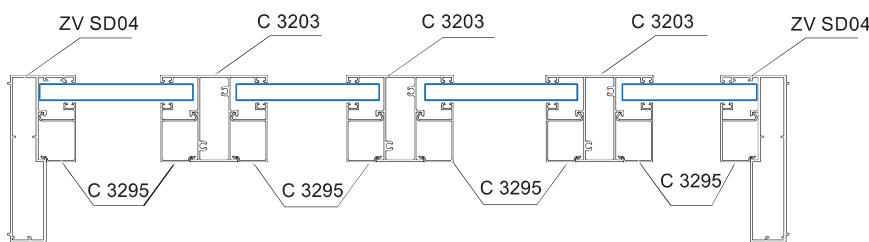
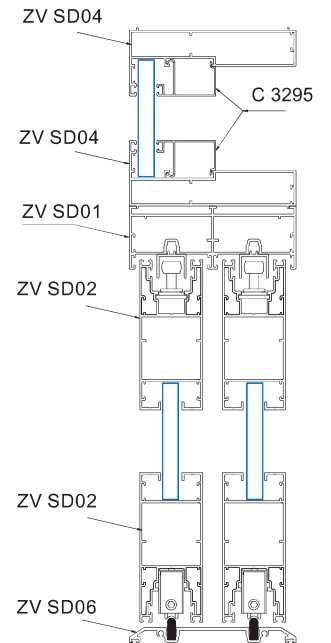
Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS10	10/bó	1.20mm	1.21kg/6m

Đối đầu 4 cánh



Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng
TM CS11	10/bó	1.40mm	2.59kg/6m

Tên khuôn	SL thanh	Độ dày	Trọng lượng



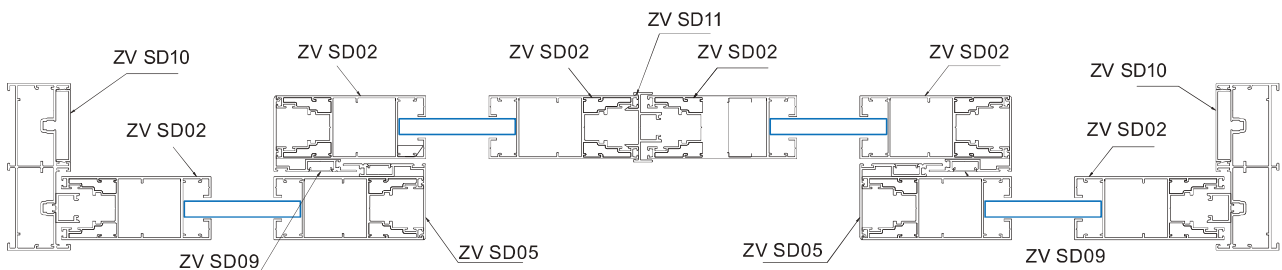
Màu xám đá



Màu ghi Meta



Màu vân gỗ trác



MẶT CẮT SỬ DỤNG TRONG SƠ ĐỒ LẮP GHÉP

Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m	Số TT	Tên khuôn	Độ dày/mm	Trọng lượng kg/6m
1	ZV SD01	1.4	9.18	1	ZV SD06	2.0	4.79
2	ZV SD02	1.4	9.65	2	ZV SD09	0.8	0.24
3	ZV SD04	1.4	6.858	3	ZV SD10	1.2	1.21
4	ZV SD05	1.4	2.6	4	ZV SD11	1.4	2.59



CÔNG TY TNHH TÂN MỸ

Văn phòng: Số 20 ngõ 67 Đỗ Quang - Yên Hoà - Hà Nội

HOTLINE: 0967 501 338 - Điện thoại: 024 3225 2752

Nhà máy: KCN Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội

Email: vanphongcongy@tanmygroup.com.vn